

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Thạnh

2/. Bà Nguyễn Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Anh D; địa chỉ: Số MHM đường LL, ấp CT, thị trấn MX, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Dương Ngọc T; địa chỉ: Số MCKA đường TCD, khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2018 và lời trình bày của ông Trần Anh D tại phiên tòa thì ông và bà Dương Ngọc T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống, ông bà có một con chung tên Trần Dương Gia B (nam, sinh ngày 23/02/2015) hiện đang sống chung với bà T, nhưng không có tài sản chung và nợ chung. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh tranh chấp do tính tình

không phù hợp, bất đồng quan điểm sống; từ năm 2016 thì ông bà ly thân cho đến nay.

Ông Trần Anh D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Dương Ngọc T và giao cháu Trần Dương Gia B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông D đã nộp một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 166/2012, quyển số 01 thể hiện ông D và bà T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng ngày 30/8/2012; một bản sao Giấy khai sinh thể hiện cháu Trần Dương Gia B (nam, sinh ngày 23/02/2015) là con ông D, bà T.

- Theo lời trình bày của bà Dương Ngọc T tại biên bản ngày 20/4/2018 thì bà thống nhất với lời trình bày của ông Trần Anh D về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà T đồng ý với yêu cầu ly hôn và nuôi con theo đơn khởi kiện của ông D.

- Theo kết quả xác minh ngày 22/6/2018 của Tòa án đối với bà Vũ Thị Ngọc H thì bà Dương Ngọc T là con ruột của bà và sau khi kết hôn với ông Trần Anh D thì bà T, ông D sống chung với bà H tại số MCKA đường TCD, khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; sau đó vợ chồng phát sinh tranh chấp do ông D không chăm lo vợ con, đến năm 2016 thì ông bà ly thân cho đến nay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bà Dương Ngọc T thừa nhận các tình tiết, sự kiện do ông Trần Anh D trình bày về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Anh D yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Dương Ngọc T và bà T hiện cư trú trên địa bàn thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Dương Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, kết quả xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[3.1] Ông Trần Anh D và bà Dương Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp với quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 166/2012, quyển số 01 nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[3.2] Trong thời gian chung sống, ông bà có một con chung tên Trần Dương Gia B (nam, sinh ngày 23/02/2015), nhưng không có tài sản chung và nợ chung. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh tranh chấp do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống; từ năm 2016 thì ông bà ly thân cho đến nay. Đây là nguyên nhân làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông D ly hôn với bà T theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung, do cháu Trần Dương Gia B hiện đang sống chung với bà T nên Hội đồng xét xử giao cháu cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.4] Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa ông D tự nguyện hàng tháng đóng góp cho bà T 1.000.000 đồng để nuôi cháu B; cấp dưỡng vào ngày cuối tháng, bắt đầu từ tháng 8/2018 cho đến khi chấm dứt theo quy định pháp luật, địa điểm cấp dưỡng tại số MCKA đường TCD, khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu này.

[4] Ông Trần Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Trần Anh D tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh D và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Ông Trần Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh D:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Anh D được ly hôn với bà Dương Ngọc T.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Trần Dương Gia B (nam, sinh ngày 23/02/2015) cho bà Dương Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Anh D hàng tháng có trách nhiệm đóng góp cho bà Dương Ngọc T số tiền 1.000.000 đồng để nuôi cháu Trần Dương Gia B; cấp dưỡng vào ngày cuối tháng, bắt đầu từ tháng 8/2018 cho đến khi chấm dứt theo quy định pháp luật, địa điểm cấp dưỡng tại số MCKA đường TCD, khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Trần Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Dương Gia B theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Anh D tự khai không có nên không giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Anh D phải chịu tổng cộng 600.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000326 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; ông Trần Anh D còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Ông Trần Anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Dương Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Đối với phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương